

## BSC RESEARCH

## Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

## Nhóm Vĩ mô &amp; Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoa.bn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

|                 |              |               |
|-----------------|--------------|---------------|
| <b>VN-INDEX</b> | <b>709.7</b> | <b>-6.83%</b> |
| KLKL (triệu CP) | 1098.3       | -29.7%        |
| Khối ngoại (tỷ) | -2938.3      |               |

|                  |              |              |
|------------------|--------------|--------------|
| <b>HNX-INDEX</b> | <b>101.8</b> | <b>0.40%</b> |
| KLKL (triệu CP)  | 315.1        | -40.2%       |
| Khối ngoại (tỷ)  | -131.9       |              |

| <b>TTPS</b> | <b>Điểm số</b> | <b>HĐ mở</b> |
|-------------|----------------|--------------|
| VN30F2003   | 678            | 139,677      |
| VN30F2004   | 672            | 145,359      |
| VN30F2006   | 668            | 153          |
| VN30F2009   | 669            | 91           |

## Các mốc điểm quan trọng

|           | Kháng cự | Trung bình | Hỗ trợ |
|-----------|----------|------------|--------|
| VN-INDEX  | 873.0    | 810.0      | 670.0  |
| HNX-INDEX | 104.0    | 100.0      | 95.0   |

Nguồn: BSC Research

## Mục lục

|                             |     |
|-----------------------------|-----|
| Điểm nhấn tuần vừa qua      | 1   |
| Thống kê thị trường         | 2   |
| Phân tích kỹ thuật VN-INDEX | 3   |
| Thông tin vĩ mô             | 4   |
| Phân tích kỹ thuật cổ phiếu | 5-7 |
| iBroker                     | 8   |
| ilInvest                    | 9   |
| Khuyến cáo sử dụng          | 10  |

Báo cáo này được xem là nguồn thông tin tham khảo. Vui lòng đọc kỹ phần Khuyến cáo sử dụng ở trang cuối.

## Chiến thuật tuần tới

**Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng tuần ETFs cơ cấu, VN-Index tiếp tục dò đáy.** Diễn biến tiêu cực từ TTCK thế giới, khối ngoại bán ròng 5 phiên trong tuần và 29 phiên liên tiếp tạo sức ép lên các chỉ số. VN-Index có tuần giảm thứ 2 liên tiếp với 16/19 ngành giảm. 4 cổ phiếu có vốn hóa lớn nhất VIC, VHM, VNM và VCB đều giảm đóng góp 33 điểm giảm, chiếm 63% mức giảm thị trường. Biên độ giao động của chỉ số thu hẹp so tuần trước cho thấy tâm lý thị trường ổn định, thanh khoản duy trì ở mức cao và có phần bị gây nhiễu bởi hoạt động cơ cấu danh mục của các ETFs. Một số cổ phiếu giảm sâu hoặc cổ phiếu nhỏ tăng điểm dù vậy đà tăng không kéo dài. Tuần tới một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô, đặc biệt GDP quý I được công bố cuối tháng sẽ là những thông tin quan trọng để cơ quan điều hành cũng như NĐT có cơ sở đánh giá và đưa ra các quyết sách phù hợp. Một số doanh nghiệp cũng công bố dự kiến KQKD quý I dù vậy hoạt động bán ròng khối ngoại đang gây khó khăn cho VN-Index trong quá trình dò đáy.

**Diễn biến tiêu cực từ TTCK thị trường hàng hóa đang lây lan sang thị trường tiền tệ.** Chong dịch Virus Covid-19 đã chuyển tâm điểm sang Châu Âu và ở Mỹ với những ca nhiễm mới và tử vong tăng vọt. Trong khi Trung Quốc đang bắt đầu nổi lại hoạt động sản xuất kinh doanh khi nước này đã qua đỉnh dịch, phần lớn các doanh nghiệp ở các nước khác trên thế giới hiện đang triển khai các chính sách làm việc tại nhà. TTCK Mỹ có thêm 2 lần kích hoạt cơ chế ngắt giao dịch tự động, giảm hơn 17.30% tuần qua. TTCK Nhật cũng giảm mạnh 10.81%. TTCK các nước Châu Âu giảm từ 2% - 5%. Chỉ số hàng hóa Bcom có mức giảm mạnh -6.4%, hầu hết các mặt hàng đều giảm điểm ngoại trừ một số mặt hàng nông sản. Sau thời gian dài ổn định, tỷ giá đã biến động mạnh trong tuần qua. USD Index tăng 4.1% tuy nhiên một số nước khu vực mới nổi mất giá mạnh gồm Indonesia (-8.0%), Nga (-10.1%), Braxin (-4.7%). Điều này không chỉ ảnh hưởng tiêu cực TTCK các nước này mà còn tác động mạnh đến tâm lý các nước khu vực mới nổi.

**Ngân hàng nhà nước giảm lãi suất điều hành, VND biến động phức tạp.** Nhằm tháo gỡ khó khăn cho SXKD, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19 cũng như phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính quốc tế, NHNN điều chỉnh giảm các mức lãi suất. Mặt bằng lãi suất chung giảm 0.5% - 1% tại lãi suất tái cấp vốn, tái chiết khấu, cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và chào mua giấy tờ có giá. Ngoài ra lãi suất đi vay và cho vay kỳ hạn dưới 6 tháng cũng giảm 0.3% đến 0.5%. Cùng với chính sách khoan hồng, giãn và kéo dài trả nợ, đợt điều chỉnh giảm lãi suất sẽ hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuần qua mặt bằng lãi suất liên ngân hàng khá ổn định và cũng không có giao dịch ghi nhận trên thị trường OMO và tín phiếu tuy nhiên tỷ giá lại biến động khá phức tạp hơn khi VND giảm 0.7% so USD từ USD Index tăng 2.4%, nhu cầu tăng và các đồng nội tệ khu vực mất giá nhanh gây sức ép tâm lý lên thị trường. Biến động tỷ giá VND và khu vực cần tiếp tục theo dõi trong tuần tới.

**VN30 tiếp tục giảm trong tuần HĐTL đáo hạn, thanh khoản và hợp đồng mở giảm.** Chỉ số tiếp tục giảm quay lại kiểm tra vùng điểm thấp nhất trong tuần trước. Các HĐTL có mức giảm nhẹ hơn VN30, qua đó thu hẹp trạng thái chênh lệch âm lần lượt -0.2%, -0.8%, -0.9% và -0.7% ở các kỳ hạn. Thanh khoản bình quân giảm 14% về mức 12,593 tỷ/ phiên so với tuần trước. Hợp đồng mở giảm 3% về mức 17,416 hợp đồng. VN30 giảm nhẹ dưới vùng thấp điểm của tuần trước, và tiến sát 673 điểm tương Fibonacci 61.8% của chu kỳ 2012 đến nay. VN30 vẫn đang trong vùng biến động với các chỉ báo kỹ thuật trong vùng quá bán. Xu hướng giảm mạnh, tín hiệu đảo chiều chưa rõ ràng dù vậy chỉ số đã chạm ngưỡng hỗ 673 điểm. Nhịp hồi kỹ thuật sẽ sớm diễn ra và NĐT nên cân nhắc chuyển trạng thái nắm giữ short sang trading nhanh trong phiên.

**Khuyến nghị trading ngắn hạn:** VN-Index vẫn trong quá trình dò đáy, tín hiệu hồi phục chưa rõ ràng. NĐT tiếp tục chờ đợi và duy trì tỷ lệ cổ phiếu ở mức an toàn.

**Khuyến nghị đầu tư trung dài hạn:** Giữ tỷ trọng, theo dõi vận động của dòng tiền và chỉ số.

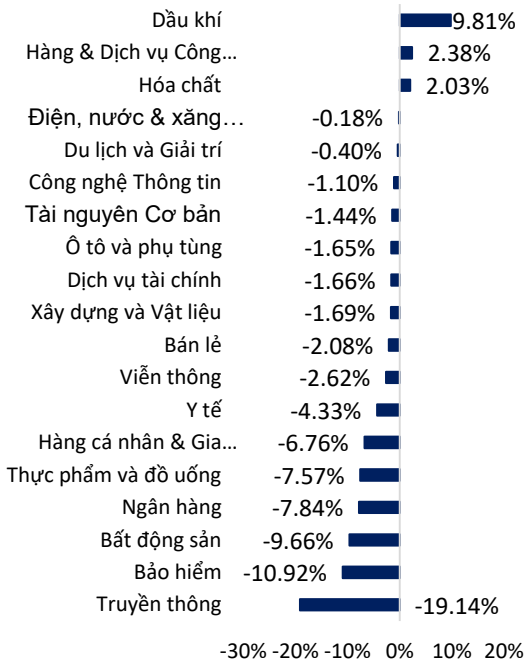
## Các cổ phiếu lưu ý và phân tích kỹ thuật:

Cổ phiếu chuyển biến tích cực: **SJS, NDN**Cổ phiếu tích lũy: **PDR, GMD, PHR**

**ilInvest:** Tuần này có **14/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Nước & Năng lượng** - đầu tư vào nhóm ngành hàng thiết yếu, có tăng trưởng ổn định và tính phòng thủ tốt - có mức hiệu suất tuần ấn tượng **2.1%**, con số này của VNINDEX là -6.8%

## Những thông tin lưu ý trong tuần tới

- Diễn biến dịch cúm Covid-19 trong nước và quốc tế.
- KQKD quý I năm 2020 và mùa ĐHCĐ của các công ty niêm yết.
- Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tháng 3.
- Ngày 16/3, Chỉ số PMI của Đức, Pháp, Anh và Mỹ. 25/3, Chỉ số môi trường kinh doanh Đức; Đơn đặt hàng lâu bền và dự trữ dầu thô Mỹ. 26/3, Chính sách tiền tệ và lãi suất của Anh; Cán cân XNK và GDP lần cuối của Mỹ. 27/3, Chỉ số tiêu dùng và thu nhập cá nhân của Mỹ.

**Đồ thị 1: Vận động ngành trong tuần****Điểm nhấn tuần vừa qua**

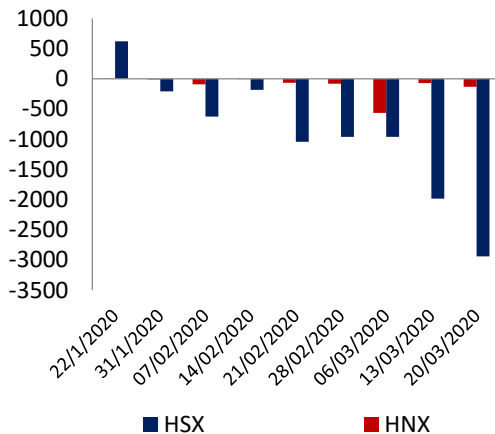
Diễn biến tiêu cực của đại dịch Covid-19 trên phạm vi toàn cầu cùng biến động mạnh của giá dầu thô tiếp tục khiến thị trường giảm điểm. Khối ngoại tăng cường bán ròng hơn 3,000 tỷ đồng trên hai sàn HSX và HNX. Nhóm VN30 và nhóm LargeCap giảm mạnh trong tuần do hạn HDTL và ETF. Thanh khoản giảm mạnh cho thấy tâm lý thị trường dần ổn định với việc chính phủ triển khai biện pháp hỗ trợ thuế, phí, cùng việc NHNN giảm lãi suất điều hành. Các yếu tố chính trong tuần:

- Ngoại trừ nhóm SmallCap, các nhóm cổ phiếu vốn hóa đều giảm điểm với mức giảm mạnh nhất ở nhóm VN30.
- Thanh khoản thị trường giảm mạnh -27.48%, trung bình tại mức 3,556.93 tỷ VND.
- Khối ngoại tiếp tục bán ròng trên HSX và HNX.

**Vận động ngành**

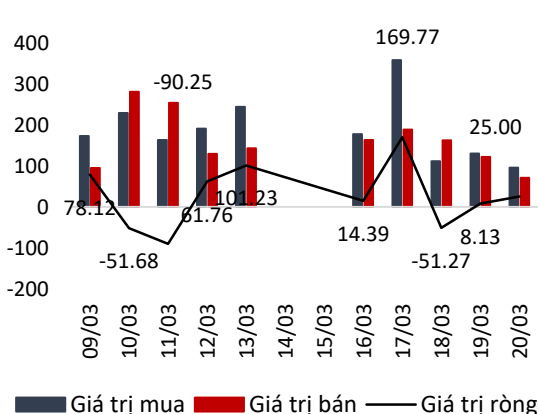
**Thị trường giảm điểm trên diện rộng khi có 16/19 ngành giảm điểm.**

- Top 3 ngành giảm điểm mạnh nhất là: Truyền thông -19.14% (YEG -30.19%, VEF -6.23%), Bảo hiểm -10.92% (BVH -14.22%, BMI -7.61%), và Bất động sản -9.66% (VHM -11.39%, VIC -10.81%). Top 3 ngành tăng điểm mạnh nhất là: Dầu khí +9.81% (PLX +12.31%, OIL +7.86%), Hàng & Dịch vụ Công nghiệp +2.38% (REE +5.67%, GMD +4.11%), Hóa chất (DPM +3.08%, PHR +0.73%).
- LargeCap giảm -4.26%, MidCap giảm -0.35%, SmallCap tăng 0.20%. Pennies giảm -0.22%, VN30 giảm -5.99%.

**Đồ thị 2: Vận động khối ngoại****Khối ngoại**

**Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trên cả HSX và HNX.** Họ bán ròng -2,938.26 tỷ trên sàn HSX và -131.91 tỷ trên sàn HNX. Trên cả 3 sàn, khối ngoại bán ròng -383.3 tỷ HPG, -348.8 tỷ MSN và -276.5 tỷ VHM, trong khi mua ròng 202.4 tỷ FUESSVFL, 12.1 tỷ PHR và 11.2 tỷ ACV. Top 10 mã mua ròng mang về 256.9 tỷ và khối ngoại rút -2,021.8 tỷ từ top 10 mã bán ròng.

Trong tuần, ETF FTSE giữ nguyên quy mô 8.404 triệu chứng chỉ trong ngày 18/3. ETF E1VFN30 giảm quy mô 0.7 triệu chứng chỉ xuống 467.4 triệu chứng chỉ, tương đương bán ròng 8 tỷ trong phiên 18/3. ETF KIM giữ quy mô 15.7 triệu chứng chỉ trong ngày 18/3. ETF Premia giảm 0.02 triệu chứng chỉ xuống còn 2.64 triệu chứng chỉ trong ngày 18/3.

**Đồ thị 3: Giao dịch tự doanh****Khối tự doanh**

**Khối tự doanh mua ròng 166.01 tỷ đồng.** Hoạt động mua ròng diễn ra tất cả các ngày trong tuần trừ hôm 18/03. Khối tự doanh mua ròng 224.55 tỷ MSN, 133.35 tỷ E1VFN30, 32.33 tỷ CTG và bán ròng -74.15 tỷ MBB, -34.18 tỷ MWG, -24.03 tỷ TCB.

## Top tăng điểm số VN-Index

| STT             | Mã  | % tăng  | Điểm số       |
|-----------------|-----|---------|---------------|
| 1               | PLX | +12.31% | 1.65          |
| 2               | TPB | +11.45% | 0.55          |
| 3               | GAS | +1.58%  | 0.51          |
| 4               | VJC | +1.98%  | 0.31          |
| 5               | PAN | +15.79% | 0.17          |
| 6               | CAV | +18.18% | 0.17          |
| 7               | GEX | +8.21%  | 0.15          |
| 8               | REE | +5.67%  | 0.14          |
| 9               | DCM | +11.91% | 0.10          |
| 10              | SSI | +4.14%  | 0.08          |
| <b>Tổng</b>     |     |         | <b>3.74</b>   |
| <b>VN-Index</b> |     |         | <b>-52.05</b> |

## Top giảm điểm số VN-Index

| STT             | Mã  | % giảm  | Điểm số       |
|-----------------|-----|---------|---------------|
| 1               | VCB | -13.38% | -10.14        |
| 2               | VIC | -10.81% | -9.66         |
| 3               | VHM | -11.39% | -7.85         |
| 4               | VNM | -9.18%  | -4.55         |
| 5               | SAB | -12.50% | -3.28         |
| 6               | VRE | -15.70% | -2.53         |
| 7               | GVR | -18.48% | -2.37         |
| 8               | CTG | -9.79%  | -2.32         |
| 9               | BID | -5.43%  | -2.23         |
| 10              | BVH | -14.22% | -1.23         |
| <b>Tổng</b>     |     |         | <b>-44.90</b> |
| <b>VN-Index</b> |     |         | <b>-52.05</b> |

## Top mua bán ròng trong tuần

| TT          | Mã       | Mua ròng     | Sở hữu NN |
|-------------|----------|--------------|-----------|
| 1           | FUESSVFL | 202.43       |           |
| 2           | PHR      | 12.12        | 7.78      |
| 3           | ACV      | 11.17        | 3.66      |
| 4           | TCH      | 10.93        | 4.64      |
| 5           | FPT      | 5.56         | 49.00     |
| 6           | SCS      | 5.37         | 28.30     |
| 7           | FRT      | 3.99         | 43.38     |
| 8           | ITA      | 2.06         | 1.88      |
| 9           | ANV      | 1.82         | 1.48      |
| 10          | PPC      | 1.43         | 16.34     |
| <b>Tổng</b> |          | <b>256.9</b> |           |

| TT          | Mã      | Bán ròng       | Sở hữu NN |
|-------------|---------|----------------|-----------|
| 1           | HPG     | -383.29        | 37.58     |
| 2           | MSN     | -348.78        | 37.40     |
| 3           | VHM     | -276.48        | 14.85     |
| 4           | VNM     | -223.76        | 58.77     |
| 5           | VIC     | -191.31        | 14.55     |
| 6           | VCB     | -167.83        | 23.77     |
| 7           | E1VFN30 | -139.77        |           |
| 8           | VRE     | -98.92         | 32.41     |
| 9           | NVL     | -98.74         | 6.28      |
| 10          | HDB     | -92.97         | 22.97     |
| <b>Tổng</b> |         | <b>-2021.8</b> |           |

## VN-Index

**Đồ thị tuần:** VN-Index có tuần giảm với biên độ biến động thu hẹp so tuần trước. Đường giá vẫn giảm dưới Bollinger band dưới, và ADX tăng trong khi -DI mở rộng khoảng cách – DI vẫn cho thấy đà giảm điểm mạnh. Chỉ số vẫn đang trong vùng biến động mạnh, thanh khoản giữ mức cao trên 40% của 20 tuần trước. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn nằm trong vùng quá bán. VN-Index vẫn đang trong quá trình dò đáy với các vùng giá lưu ý 700 (kênh giá giảm từ đỉnh), 670 (Fibonacci 61.8% của chu kỳ 2012) và nền giá trên 638 điểm.

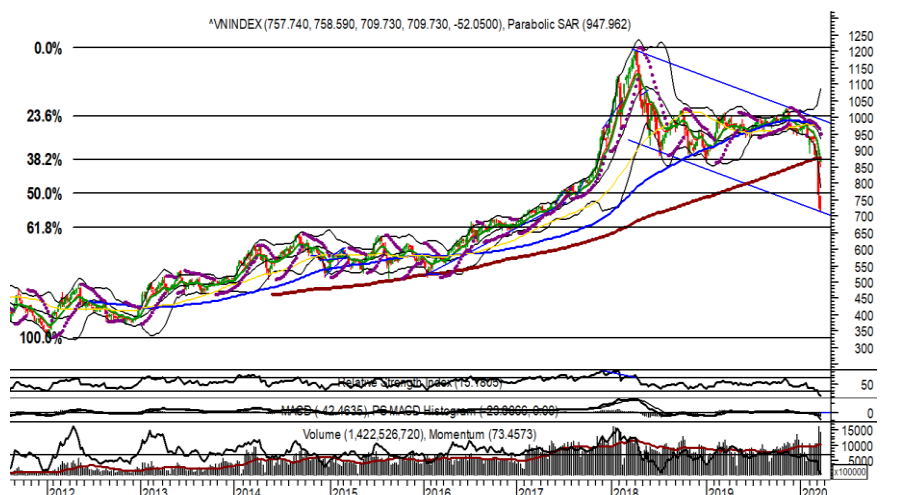
**Đồ thị ngày:** Những cây nến có biên độ dao động hẹp và không tạo gap cho thấy tâm lý thị trường dần ổn định. Dù vậy VN-Index vẫn tiếp tục dò đáy khi đang tiến về sát 700 điểm. Dải bollinger band mở rộng, hướng xuống dưới; ADX tăng mạnh lên mức 60 (vùng điểm cao thứ 5 trong lịch sử), và các chỉ báo kỹ thuật giảm sâu dưới vùng quá bán cho thấy động lực giảm điểm mạnh. Dù vậy khả năng hồi phục không loại trừ và cần những phiên hồi kỹ thuật dạng shakeout hoặc một vài phiên doji vùng đáy cho thấy lực bán yếu dần và lực mua dần chi phối để xác nhận.

### Một vài đặc điểm chú ý:

- VN-Index giảm dưới SMA200 tuần xác nhận giảm trung dài hạn.
- Các chỉ báo kỹ thuật vào vùng quá bán, và đang hướng tới 670 điểm (Fibonacci 61.8% của chu kỳ tăng điểm 2012).

**Nhận định:** VN-Index tiếp tục củng cố xu hướng giảm trung dài hạn và chưa có dấu hiệu đảo chiều. Tâm lý dè dặt trong tuần với phiên giao dịch biên độ hẹp hơn và không tạo gap giá cho dù gây nhiễu bởi hoạt động cơ cấu ETFs và HĐTL đáo hạn. Dù vậy, Khối ngoại bán ròng và sự đồng nhất giảm của thị trường thể giới vẫn tạo sức ép rất lớn cho chỉ số trong quá trình dò đáy. Chỉ số sẽ tiếp tục hướng về các vùng giá thấp lần lượt 700, 670 và 638. Những phiên hồi kỹ thuật sẽ sớm diễn ra trong vùng quá bán dù vậy tín hiệu rõ ràng hơn như nền shakeout hoặc doji sau đáy hấp thụ đã bán khá quan trọng trước khi xác nhận một xu hướng hồi phục.

## Đồ thị VN-Index



Nguồn: BSC Research

## Thông tin vĩ mô trong nước

• Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) điều chỉnh giảm lãi suất điều hành: lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6% xuống 5%/năm, lãi suất tái chiết khấu từ 4%/năm xuống 3.5%/năm, lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng giảm từ 7%/năm xuống 6%/năm, lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở từ 4.0%/năm xuống 3.5%/năm. Cùng với đó, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 0.8%/năm xuống 0.5%/năm, lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm từ 5.0%/năm xuống 4.75%/năm, lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên do tổ chức tín dụng ấn định trên cơ sở cung - cầu vốn thị trường. Đồng thời, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND giảm từ 6.0%/năm xuống 5.5%/năm.

• Thông tư số 14/2020/TT-BTC giảm giá và miễn hoàn toàn không thu đối với 15 loại dịch vụ chứng khoán nhằm hỗ trợ thị trường chứng khoán trước ảnh hưởng của dịch Covid-19. Thời gian áp dụng tối thiểu từ ngày 19/3/2020 đến hết ngày 31/8/2020.

• Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thực hiện tạm dừng đóng BHXH đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đến hết tháng 6/2020 hoặc tháng 12/2020 và không tính lãi phạt chậm nộp theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

## Thông tin vĩ mô nước ngoài

• Chính quyền tổng thống Donald Trump dự kiến cử một đặc phái viên tới Ả Rập Saudi trong tuần tới để bàn về việc ổn định thị trường dầu mỏ thế giới.

• Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PboC) duy trì lãi suất điều hành một năm tại mức 4.05%, lãi suất điều hành năm năm tại mức 4.75%, lãi suất cho vay trung hạn tại mức 3.15%.

• FED bắt đầu sử dụng công cụ cho vay vốn qua giấy tờ có giá nhằm thực hiện các khoản vay ngắn hạn đối với các doanh nghiệp cần vốn chi trả hoạt động. FED cũng mở rộng phạm vi cho vay đối với các tổ chức tài chính chủ chốt đối với thị trường tài chính và hoạt động giao dịch trái phiếu, bằng cách cho phép sử dụng trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, và chứng khoán, làm tài sản thế chấp cho các khoản vay kỳ hạn 90-ngày.

• Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BoK) cắt giảm lãi suất điều hành 0.50% xuống 0.75% trong phiên họp khẩn. BoK đồng thời giảm 0.50% lãi suất cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ xuống thành 0.25%. Bok cũng mở rộng phạm vi tài sản thế chấp – thêm các khoản trái khoán (debentures) ngân hàng đối với các hoạt động OMO.

## Thông tin các ngành hàng hóa

| Mặt hàng  | ĐVT           | Sáng 21/3 | % Ngày  | % Tuần  | % Tháng | Liên quan đầu ra | Liên quan đầu vào |
|-----------|---------------|-----------|---------|---------|---------|------------------|-------------------|
| Dầu WTI   | USD/barrel    | 22.63     | -12.66% | -29.52% | -57.89% | GAS, BSR,        | PVD, PVT          |
| Dầu Brent | USD/barrel    | 26.98     | -5.23%  | -20.3%  | -54.05% | GAS, BSR,        | PVD, PVT          |
| Xăng      | USD/gallon    | 60.54     | -11.62% | -32.67% | -66.03% | PLX, OIL         | HVN, VJC          |
| Vàng      | USD/ounce     | 1498.65   | 1.86%   | -2.04%  | -7.01%  | PNJ              | PNJ               |
| Bạc       | USD/ounce     | 12.62     | 4.12%   | -14.29% | -31.55% | PNJ              | PNJ               |
| Đậu tương | UScent/bushel | 862.50    | 2.28%   | 1.62%   | -4.75%  | HKB              | DBC, QNS          |
| Lúa mì    | UScent/bushel | 539.25    | 0.79%   | 6.57%   | -4.13%  |                  | AFX               |
| Sữa       | USD /cwt      | 15.52     | 1.31%   | -2.88%  | -10.13% | VNM, GTN         | KDC               |
| Cao su    | JPY/kg        | 154.00    | -4.47%  | -3.81%  | n/a     | DPR, PHR         | SRC, CSM          |
| Đường     | US cent/lb    | 10.91     | 3.02%   | -6.75%  | -27.65% | SBT, LSS         | VNM, GTN          |
| Cà phê    | UScent/lb     | 119.70    | 6.21%   | 12.13%  | 9.82%   | CTP, DLG         | VCF, CTP          |
| Đồng      | USD/lb        | 4810.00   | -0.31%  | -11.9%  | -16.64% | MSN, ACM         | CAV, SAM          |
| Thép      | CNY/ton       | 3505.00   | 1.27%   | -0.17%  | 1.99%   | HSG, HPG         | PC1, CTD          |
| Nhôm      | USD/ton       | 1582.00   | -2.94%  | -5.86%  | -8.02%  |                  | CAV, SAM          |
| Quặng sắt | CNY/ton       | 669.00    | 1.67%   | 1.67%   | 3.09%   | HSG, HPG         | HSG, HPG          |
| Than đá   | USD/ton       | 66.85     | 0.75%   | 1.75%   | -1.69%  | HLC, NBC         | HT1, BCC          |

| TT | Chỉ số thị trường   | ± Tuần  |
|----|---------------------|---------|
| 1  | US (SP500)          | -17.30% |
| 2  | France (CAC)        | -1.69%  |
| 3  | Germany (DAX)       | -3.28%  |
| 4  | UK (FTSE)           | -3.27%  |
| 5  | Japan (Nikkei)      | -10.81% |
| 6  | Phillippine (PCOMP) | -24.78% |
| 7  | Malaysia (KLCI)     | -3.08%  |
| 8  | Thailand (SET)      | -0.15%  |
| 9  | Indonexia (JCI)     | -14.52% |
| 10 | Singapore (STI)     | -8.48%  |
| 11 | VietNam (VN-Index)  | -6.83%  |

| Tỷ giá các đồng tiền chính | Đơn vị     |
|----------------------------|------------|
| Tỷ giá USD/VND             | 23,372 VND |
| Tỷ giá EUR/VND             | 25,234 VND |
| Tỷ giá CNY/VND             | 3,306 VND  |
| Tỷ giá JPY/VND             | 212 VND    |

| Hợp đồng tương lai      | Giá    |
|-------------------------|--------|
| Dầu WTI (USD)           | 22.6   |
| Dầu Brent (USD)         | 27.0   |
| Khí gas (USD/MMBtu)     | 1.6    |
| Vàng giao ngay (USD/oz) | 1498.7 |
| Bạc (USD/t oz)          | 12.3   |
| Đồng (USD/lb.)          | 219.1  |
| Cao su (JPY/kg)         | 154.0  |
| Bông (USD/lb.)          | 53.7   |

| Lãi suất liên ngân hàng |          |        |
|-------------------------|----------|--------|
| Thời hạn                | Lãi suất | ± Tuần |
| Qua đêm                 | 1.85     | -0.13  |
| 1 tuần                  | 2.08     | -0.02  |
| 2 tuần                  | 2.20     | -0.03  |
| 1 tháng                 | 2.58     | 0.13   |
| 2 tháng                 | 2.68     | 0.04   |
| 3 tháng                 | 2.88     | -0.02  |
| 6 tháng                 | 3.23     | -0.33  |
| 1 năm                   | 3.80     | -0.48  |

## Phân tích kỹ thuật cổ phiếu

### SJS – CTCP Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà – Hồi phục

SJS là một trong những cổ phiếu midcap đang ở trong trạng thái hồi phục sau khi đã có quá trình giảm giá khá mạnh theo xu hướng chung của thị trường từ vùng giá 21 về ngưỡng hỗ trợ 16. Thanh khoản SJS trong những phiên gần đây đang có chiều hướng giảm. Các chỉ báo kỹ thuật vẫn chưa có được sự đồng nhất về trạng thái nhưng phần lớn đang có chiều hướng cải thiện dần. Chỉ báo RSI đã vượt trở lại lên trên giá trị 50 nên đà tăng ngắn hạn có thể được duy trì. Ngưỡng kháng cự và hỗ trợ gần nhất của SJS lần lượt nằm tại mốc 20 và 17. Nhà đầu tư có thể mua cổ phiếu ở khu vực xung quanh 18 với mục tiêu chốt lãi nằm tại vùng giá xung quanh 20.5, cần nhắc cắt lỗ nếu mốc 16.5 bị xuyên thủng.



## Phân tích kỹ thuật cổ phiếu

### NDN – CTCP Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng – Hồi phục

NDN là một trong những cổ phiếu smallcap đang ở trong trạng thái hồi phục sau khi đã giảm giá ngắn hạn từ vùng giá 16 về ngưỡng hỗ trợ 13. Thanh khoản trong những phiên gần đây của cổ phiếu đang có chiều hướng giảm dần. Các chỉ báo kỹ thuật hầu hết vẫn đang ở trong trạng thái tiêu cực, vì vậy áp lực bán có thể vẫn hiện hữu trong những phiên tới. Ngưỡng kháng cự gần nhất của cổ phiếu nằm tại mốc 15. Nhà đầu tư có thể mua cổ phiếu nếu NDN điều chỉnh trở về khu vực xung quanh 13.5. Chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 15.5 và cắt lỗ nếu mốc 13 bị xuyên thủng.



### PDR – CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt – Tích lũy

PDR là một trong những cổ phiếu midcap đang ở trong trạng thái tích lũy và hầu như ít ảnh hưởng bởi đợt giảm giá sâu của thị trường chung. Thanh khoản PDR trong những phiên gần đây vẫn duy trì giá trị tốt và ổn định. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều ở trong trạng thái tiêu cực. Ngưỡng kháng cự và hỗ trợ gần nhất của PDR lần lượt nằm tại mốc 26 và 24.5. Nhà đầu tư có thể mua cổ phiếu tại khu vực xung quanh 25 với mục tiêu chốt lãi tại ngưỡng 27, cân nhắc cắt lỗ khi mốc 24 bị xuyên thủng.



## Phân tích kỹ thuật cổ phiếu

### PHR - CTCP Cao su Phước Hòa - Tích lũy

PHR là một cổ phiếu midcap đang trong xu hướng tích lũy. Các chỉ báo kỹ thuật đều đồng thuận với xu hướng này của cổ phiếu. Chỉ báo MACD hiện tại đang nằm dưới đường tín hiệu, trong khi đường EMA12 đã cắt xuống dưới đường EMA26, báo hiệu sự tích lũy quanh khu vực giá hiện tại có thể sẽ tiếp diễn. Tuy vậy, chỉ báo động lượng RSI hiện đang tăng dần lên trên mốc 50, cho thấy tiềm năng tăng giá của cổ phiếu là vẫn còn. Thanh khoản của cổ phiếu duy trì trên mức trung bình 20 phiên. Ngưỡng kháng cự và hỗ trợ của PHR là 47.7 và 38.6. Nhà đầu tư có thể cân nhắc khu vực giá 39.5 để mở vị thế và chốt lãi khi cổ phiếu trở về ngưỡng kháng cự gần nhất là 47.7. Cắt lỗ nếu để mất mốc 33.6.



### GMD - CTCP Gemadept - Tích lũy

GMD là một cổ phiếu midcap đang trong xu hướng tích lũy sau khi đã giảm giá từ đầu năm. Đồng thuận với xu hướng của thị trường, các chỉ báo kỹ thuật đều cho thấy GMD sẽ tiếp tục vận động hiện tại trong ngắn hạn. Cụ thể, đường EMA12 vẫn nằm dưới đường EMA26. Chỉ báo RSI chủ yếu dao động trong vùng bán. Tuy vậy, chỉ báo MACD đang dần hình thành xu hướng tăng và có thể sẽ cắt lên trên đường tín hiệu. Ngưỡng kháng cự và hỗ trợ của cổ phiếu là 20.4 và 15.5. Nếu thanh khoản của cổ phiếu có cải thiện trong các phiên tới, cân nhắc ngưỡng hỗ trợ 15.5 để mở vị thế và chốt lãi tại khu vực 19.35. Cắt lỗ nếu để mất mốc 15.5.





## TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



**Trợ lý phân tích định lượng (kim):** gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



**Trợ lý phân tích cơ bản (mộc):** có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



**Trợ lý báo cáo phân tích (thủy):** Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Sử dụng iBroker tại đây  
Bản công bố rủi ro

[Link](#)  
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng  
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)  
[Link](#)

## Báo cáo cập nhật trên iBroker trong tuần

| Mã gõ báo cáo      | Ngày       | Nội dung tóm tắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|--------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| VNM 2020Q1         | 28/2/2020  | Khuyến nghị <b>MUA</b> ; Giá mục tiêu <b>127300</b> ; Giá tại Publish <b>106400</b><br>BSC dự báo KQKD 2020 của VNM với DTT và LNST lần lượt là 62,211 tỷ đồng (+ 10.46% YoY) và 11,281.8 tỷ đồng (+6.6% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 5,840 VND/CP (đã trừ QKTPL), PE fw = 18.2x, và PB fw = 5.4x. VNM DTT tăng trưởng ổn định đạt 56,318 tỷ đồng (+7.1% YoY) tính riêng Quý 4 đạt 14,239 tỷ đồng (tăng +9.5% YoY).                                                                                                                                                                                                                                                               |
| Express QNS 2020Q1 | 17/02/2020 | Khuyến nghị <b>MUA</b> ; Giá mục tiêu <b>35450</b> ; Giá tại Publish <b>29000</b><br>BSC khuyến nghị MUA cổ phiếu QNS với giá mục tiêu 35,450 đồng/CP dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 7.0x , upside 20% Y/Y so với giá ngày 14/02/2020 là 29,500 đồng/cp. BSC dự báo DTT và LNST của QNS 2020 sẽ đạt lần lượt là 9,471.5 tỷ đồng (+22.6% YoY) và 1,400.9 tỷ đồng (+9.5% YoY), tương đương EPS 2020 là 4,685 vnd/cp (đã trừ đi QKTPL), PE fw là 6.4x và PB Fw là 1.2x.                                                                                                                                                                                             |
| Express SAB 2020Q1 | 10/2/2020  | Khuyến nghị <b>THEO DÕI</b> ; Giá mục tiêu <b>190000</b> ; Giá tại Publish <b>195000</b><br>BSC cho rằng nghị định 100/2019 và dịch bệnh Corona sẽ ảnh hưởng tiêu cực của HDKD ngành bia và đặc biệt SAB trong 2020. Chúng tôi cho rằng sản lượng bia thông qua kênh on-trade (chiếm gần 70-80% doanh thu) sẽ giảm đáng kể từ 15-20% do nhu cầu tiêu thụ bia rượu ở các quán ăn giảm mạnh do ND 100 và dịch bệnh nCoV. Bên cạnh đó, giá bán bia sẽ điều chỉnh giảm theo cung-cầu của thị trường từ 5-10%. Trong trường hợp xấu nhất, BSC dự báo KQKD SAB 2020 với DTT và LNST đạt lần lượt 30,461 tỷ đồng (-20% YoY) và 4,936 tỷ đồng (-8.1% YoY) , tương ứng EPS FW là 6,939 vnd/cp. |
| Express GTN 2020Q1 | 15/2/2020  | Khuyến nghị <b>THEO DÕI</b> ; Giá mục tiêu; Giá tại Publish<br>DT và LN TT hợp nhất năm 2020 dự kiến đạt 2,909 tỷ (-2.1%) và 159 tỷ (tăng 16 lần so với 2019). Ảnh hưởng của nCoV: + Đối với VNM: xuất khẩu vào Trung Quốc vẫn chưa ảnh hưởng do xuất khẩu chính ngạch bằng đường thủy (cảng chưa bị cấm). Sản lượng tiêu thụ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi kênh trường học do học sinh nghỉ kéo dài.                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| VHC 2020Q1         | 21/2/2020  | Khuyến nghị <b>THEO DÕI</b> ; Giá mục tiêu <b>35000</b> ; Giá tại Publish <b>34450</b><br>Năm 2020, BSC dự báo năm 2020 doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế của VHC lần lượt đạt 8,645 tỷ (+9.9% YoY) và 956 tỷ (-18.9% YoY) (giảm lần lượt 23.0% và 38.4% doanh thu và lợi nhuận sau thuế so với dự phóng trước). EPS dự phóng 2020 đạt 5,197 VND/cp, tương đương với PE fw 2020 là 6.6. Ảnh hưởng bởi dịch bệnh nCoV khiến nhu cầu tiêu thụ tại thị trường Trung Quốc giảm. ).                                                                                                                                                                                                    |



- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

## I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)



Sử dụng i-Invest tại đây  
Bản công bố rủi ro

[Link](#)  
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng  
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)  
[Link](#)

\* Tuần này có **14/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Nước & Năng lượng** - đầu tư vào nhóm ngành hàng thiết yếu, có tăng trưởng ổn định và tính phòng thủ tốt - có mức hiệu suất tuần ấn tượng **2.1%**, con số này của VNINDEX là -6.8%

\* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **9/9 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

- **2/3 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

## Cập nhật hiệu suất danh mục trên i-Invest

### Danh mục đáng chú ý trong tuần: Theme\_Nước & Năng lượng\_2.1%

| Danh mục                                | Hiệu suất danh mục                                    |        |         |         |         |        |        | Rủi ro ước tính |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------|---------|---------|---------|--------|--------|-----------------|
|                                         | 1 ngày                                                | 1 tuần | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng | 1 năm  | 3 năm  |                 |
| <b>Chủ đề</b><br>(click để xem báo cáo) | Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề |        |         |         |         |        |        |                 |
| Nước & Năng lượng                       | 0.3%                                                  | 2.1%   | -21.0%  | -26.1%  | -28.8%  | -28.0% | 7.8%   | 15.3%           |
| Xây dựng                                | -0.2%                                                 | 0.4%   | -21.2%  | -23.8%  | -33.3%  | -39.2% | -30.3% | 18.7%           |
| Dầu khí                                 | 2.5%                                                  | -0.7%  | -29.0%  | -36.4%  | -41.7%  | -43.0% | -25.0% | 23.9%           |
| Cổ tức cao - Thanh khoản tốt            | -1.1%                                                 | -1.0%  | -15.8%  | -17.1%  | -14.1%  | -14.4% | 15.7%  | 15.0%           |
| Ngành Dược                              | 0.7%                                                  | -1.6%  | -13.8%  | -11.7%  | -9.7%   | -10.4% | 17.9%  | 18.0%           |
| Cổ phiếu hết room ngoại                 | -0.3%                                                 | -3.2%  | -21.5%  | -20.7%  | -23.2%  | -14.4% | 19.2%  | 18.0%           |
| VN Diamond                              | 0.2%                                                  | -3.9%  | -23.2%  | -19.5%  | -22.0%  | -13.5% | 18.4%  | 18.0%           |
| Top 10 cổ phiếu VN30                    | -0.8%                                                 | -4.2%  | -21.5%  | -22.8%  | -25.8%  | -24.4% | 11.3%  | 15.3%           |
| Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền              | -1.2%                                                 | -4.8%  | -21.6%  | -22.1%  | -24.7%  | -19.6% | 19.7%  | 16.2%           |
| Bảo hiểm & Chứng khoán                  | -1.1%                                                 | -5.6%  | -22.6%  | -27.8%  | -28.9%  | -38.7% | -0.6%  | 21.7%           |
| VN FinSelect                            | -0.5%                                                 | -6.0%  | -23.2%  | -15.2%  | -15.7%  | -19.4% | 7.9%   | 18.9%           |
| Tăng trưởng - định giá hấp dẫn          | -0.7%                                                 | -6.2%  | -27.1%  | -22.9%  | -23.8%  | -11.1% | 41.8%  | 20.2%           |
| Ngân hàng                               | -1.0%                                                 | -6.8%  | -26.3%  | -15.8%  | -15.1%  | -14.0% | 38.6%  | 22.3%           |
| Hàng tiêu dùng                          | 0.6%                                                  | -6.8%  | -23.1%  | -27.0%  | -34.1%  | -30.5% | 2.9%   | 18.5%           |
| Cổ phiếu đầu ngành tài chính            | -0.9%                                                 | -7.3%  | -25.2%  | -15.8%  | -15.9%  | -19.5% | 10.9%  | 20.3%           |
| Vật liệu Xây dựng                       | -3.0%                                                 | -7.9%  | -25.0%  | -28.1%  | -28.2%  | -27.7% | -24.8% | 19.5%           |
| MSCI frontier 100 Việt Nam              | -3.0%                                                 | -7.9%  | -23.4%  | -27.3%  | -30.9%  | -31.6% | 21.7%  | 14.5%           |
| BDS & Khu công nghiệp                   | -2.6%                                                 | -8.0%  | -22.9%  | -27.0%  | -30.9%  | -30.4% | -1.5%  | 16.6%           |
| Chiến tranh thương mại                  | -2.8%                                                 | -8.3%  | -26.4%  | -31.0%  | -34.2%  | -35.1% | -26.2% | 16.5%           |
| Lãi suất giảm                           | -2.5%                                                 | -8.6%  | -26.7%  | -25.6%  | -29.2%  | -32.4% | -1.9%  | 18.2%           |
| FTSE Việt Nam                           | -3.4%                                                 | -9.1%  | -22.3%  | -26.2%  | -28.7%  | -29.5% | 29.0%  | 15.5%           |

|                 |                                                                                               |       |        |        |        |        |       |       |
|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------|--------|--------|--------|-------|-------|
| <b>Mục tiêu</b> | Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất tuần cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất tuần thấp nhất. |       |        |        |        |        |       |       |
| Danh mục 2      | -1.3%                                                                                         | -3.3% | -24.3% | -26.4% | -27.4% | -20.3% | 15.7% | 19.0% |
| Danh mục 5      | -1.1%                                                                                         | -3.8% | -22.7% | -22.2% | -23.7% | -12.0% | 33.1% | 17.7% |
| Danh mục 6      | 1.2%                                                                                          | -4.3% | -25.3% | -21.1% | -24.6% | -22.2% | 15.2% | 19.4% |
| Danh mục 7      | -1.0%                                                                                         | -6.1% | -22.2% | -25.0% | -27.1% | -18.4% | 18.3% | 16.2% |
| Danh mục 9      | -1.2%                                                                                         | -6.2% | -27.8% | -26.9% | -27.7% | -29.0% | 39.1% | 20.2% |

\* Note

9/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

|                       |                                                                |       |        |        |        |        |       |       |
|-----------------------|----------------------------------------------------------------|-------|--------|--------|--------|--------|-------|-------|
| <b>Khẩu vị Rủi ro</b> | Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Khẩu vị Rủi ro. |       |        |        |        |        |       |       |
| Danh mục 11           | -0.1%                                                          | -3.4% | -18.1% | -19.1% | -21.1% | -11.8% | 21.0% | 16.5% |
| Danh mục 12           | -0.6%                                                          | -4.2% | -23.3% | -23.7% | -26.6% | -14.7% | 50.5% | 17.4% |
| Danh mục 10           | -1.0%                                                          | -7.6% | -21.7% | -23.3% | -24.5% | -15.3% | 16.7% | 16.1% |

\* Note

2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

|              |       |       |        |        |        |        |       |       |
|--------------|-------|-------|--------|--------|--------|--------|-------|-------|
| <b>INDEX</b> |       |       |        |        |        |        |       |       |
| VNINDEX      | -2.2% | -6.8% | -24.3% | -26.2% | -28.7% | -29.5% | -0.3% | 16.0% |
| VN30INDEX    | -0.9% | -6.0% | -22.7% | -23.2% | -26.2% | -27.4% | 1.5%  | 16.5% |

\*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

\*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Bloomberg: BSCV <GO>

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

## Khuyến cáo sử dụng

*Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.*

### **BSC Trụ sở chính**

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

### **BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: Bloomberg: RESP BSCV <GO>

